TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày 16-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Được

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hường - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155A/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Đức H, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Thanh N, sinh năm 1986, anh Lê Hoàng V, sinh năm 1984, cùng nơi cư trú: Tổ H, khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/01/2018 và tại bản tự khai, nguyên đơn Lê Đức H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên chị Phan Thị Thanh N có hỏi vay anh Lê Đức H một số tiền với những lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 28/8/2017 âm lịch, chị N vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), hẹn 28/9/2017 sẽ trả.

Lần thứ hai: Ngày 23/10/2017, chị N vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hẹn đến ngày 21/12/2017 sẽ trả.

Lần thứ ba: Ngày 31/10/2017, chị N vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu), hẹn đến ngày 30/11/2017 sẽ trả.

Lần thứ tư: Ngày 15/11/2017, chị N vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) hẹn 29/11/2017 sẽ trả.

Khi vay chị N có viết giấy vay tiền. Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do anh H tin tưởng chị N có chồng công tác tại Công an tỉnh nên mới cho vay thêm khi chị N chưa trả các khoản vay cũ. Tổng số tiền chị N vay của anh H là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), chị N đã trả được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) của khoản vay ngày 28/9/2017. Số tiền nợ gốc chị N còn nợ anh là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Nay các khoản vay đã quá thời hạn hẹn trả mà chị N vẫn không trả nên anh yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Phan Thị Thanh N và anh Lê Hoàng V cùng có trách nhiệm trả lại cho anh số tiền nợ gốc 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra, anh H không còn yêu cầu nào khác.

Tài liệu chứng cứ anh H cung cấp: Chứng minh nhân dân bản sao, sổ hộ khẩu bản sao, giấy nhận nợ.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai,bị đơn Phan Thị Thanh N trình bày:

Chị thừa nhận có vay của anh H 04 lần với tổng số tiền 800.000.000 đồng như anh H đã trình bày. Tuy nhiên, khoản vay 100.000.000 đồng ngày 23/10/2017 chị vay bằng hình thức trả góp, mỗi ngày trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), góp 60 (sáu mươi) ngày thì tổng số tiền phải trả là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Khoản vay này chị đã trả được 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), chỉ còn nợ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Còn 03 khoản vay còn lại là khoản nợ gốc chị vay của anh H được khoảng gần một năm, hàng tháng chị đã trả tiền lãi cho anh H, sau đó viết giấy nợ mới và bỏ giấy nợ cũ. Cụ thể vào ngày 15/11/2017 chị viết lại giấy vay tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) hẹn 15 (Mười lăm) ngày sẽ trả, lãi suất 7.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Vào ngày 28/8/2017 âm lịch chị viết lại giấy vay tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) hẹn 01 tháng sẽ trả, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Vào ngày 31/10/2017 chị viết lại giấy vay tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) hẹn 01 tháng sẽ trả, thỏa thuận lãi suất 7.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Các lần trả tiền lãi để viết lại giấy nợ mới của các khoản vay ngày 28/8/2017 âm lịch,

31/10/2017, 15/11/2017 và các lần trả tiền góp của khoản vay ngày 23/10/2017 chị không có gì để chứng minh. Cả 03 khoản vay vào các ngày 28/8/2017 âm lịch, 31/10/2017, 15/11/2017 chị đều chưa trả lãi cho anh H. Mục đích vay tiền của chị là để góp vốn với người khác sang nhượng lại đất đai hưởng chênh lệch, phần tiền chênh lệch chị dùng để trả lãi cho anh H và để phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên, khi vay chỉ có một mình chị giao dịch với anh H, chồng chị là Lê Hoàng V không biết, chị cũng không nói lại cho anh V biết. Sau này khi sự việc góp vốn có sự mâu thuẫn thì chị mới nói cho anh V biết. Nay anh H khởi kiện yêu cầu và hai vợ chồng chị cùng có nghĩa vụ trả nợ thì chị không đồng ý vì đây là nợ riêng của chị thì mình chị có trách nhiệm trả cho anh H. Mặt khác, tổng số tiền nợ gốc chị còn nợ anh H là 730.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi triệu đồng) chứ không phải 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) như anh H yêu cầu. Nay chị đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa có tiền trả một lần cho anh H được, chị đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, chị N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và biên bản lời khai ngày 23/01/2018, bị đơn Lê Hoàng V trình bày:

Việc vợ anh là Phan Thị Thanh N vay tiền của anh H thì anh không biết, khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý anh mới biết. anh có hỏi chị N thì chị N nói vay tiền để góp vốn chung với người khác để sang nhượng đất hưởng chênh lệch. Số tiền chênh lệch được dùng để trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Thực tế chị N có sang nhượng đất, lúc đầu thì dùng tiền của gia đình, sau này không có tiền mới đi vay của anh H, nhưng số tiền vay của anh H dùng để sang nhượng đất thì bị người ta chiếm đoạt hết nên chưa chuyển nhượng được thửa đất nào. Anh H khởi kiện yêu cầu anh và vợ là Phan Thị Thanh N cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) thì anh không đồng ý vì anh không biết việc chị N vay tiền của anh H, đây là khoản nợ riêng của vợ anh nên chỉ mình vợ anh có trách nhiệm trả nợ. Do anh bận công tác nên yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Ngoài ra, anh V không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì và không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Đối với Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

+ Đối với nguyên đơn Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn: Không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Đức H. Buộc bị đơn Phan Thị Thanh N và Lê Hoàng V phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh H số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Chị Phan Thị Thanh N có viết giấy vay tiền của anh Lê Đức H, có hẹn ngày trả nợ. Hết thời hạn hẹn trả nhưng chị N vẫn không trả nên anh H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự thì anh H có quyền khởi kiện.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Phan Thị Thanh N, Lê Hoàng V phải trả cho mình số tiền đã vay, không yêu cầu trả lãi, ngoài ra bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên đây là vụ án dân sự có quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn Phan Thị Thanh N, Lê Hoàng V hiện đang cư trú tại tổ H, khu phố P, phường T, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Đức H buộc bị đơn Phan Thị Thanh N, Lê Hoàng V phải trả số tiền nợ gốc đã vay 750.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn trình bày chị N có vay tiền của anh 04 lần vào các ngày 28/8/2017 âm lịch, 23/10/2017, 31/10/2017 và 15/11/2017 với tổng số tiền là 800.000.000 đồng. Khi vay chị N có viết giấy vay tiền và có hẹn thời gian trả nợ,

không thỏa thuận lãi suất. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phan Thị Thanh N đều thừa nhận mình có vay của anh H tổng số tiền 800.000.000 đồng vào các ngày như nguyên đơn trình bày và có hẹn thời gian trả nợ, tuy nhiên các bên có thỏa thuận lãi suất. Việc chị N trình bày có thỏa thuận lãi suất không được anh H thừa nhận, chị N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Căn cứ vào lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ cho thấy việc vay tiền giữa các bên là có thật, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện ban đầu đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 28/8/2017 âm lịch, 100.000.000 đồng ngày 31/10/2017 và 300.000.000 đồng ngày 15/11/2017, anh H cho rằng đây là nợ gốc chị N chưa trả cho anh. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị N đều thừa nhận đây là nợ gốc chị chưa trả cho anh H. Việc bị đơn thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn là tình tiết không cần phải chứng minh nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H là có cơ sở.

Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với khoản vay 100.000.000 đồng ngày 23/10/2017, anh H trình bày chị N mới trả cho anh được 50.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng. Chị N trình bày chị đã trả được 70.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị N không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Mặt khác, lời trình bày của chị N cũng không được anh H thừa nhận nên yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh H được chấp nhận là có cơ sở.

Đối với các khoản tiền lãi chị N trình bày đã trả cho anh H. Chị N không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Mặt khác, anh H cũng không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu buộc chị N và anh V cùng có trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Cả anh V và chị N đều cho rằng đây là khoản nợ riêng của chị N vì khi giao dịch vay tiền chỉ có mình chị N, anh V không biết nên chị N phải có nghĩa vụ trả cho anh H. Mặc dù khi giao dịch vay tiền chỉ có một mình chị N giao dịch, nhưng cả chị N và anh V đều thừa nhận chị N vay tiền của anh H để chuyển nhượng quyền sử dụng đất hưởng tiền chênh lệch, số tiền chênh lệch để trả lãi cho anh H và để trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là giao dịch phát sinh do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên buộc vợ chồng anh V, chị N chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh Hùng là phù hợp quy định pháp luật.

Chị N đề nghị được trả nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ vay do hoàn cảnh khó khăn nhưng không được anh H đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N, anh V phải chịu 34.000.000 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/IBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[2] Tuyên xử:

Buộc chị Phan Thị Thanh N và anh Lê Hoàng V liên đới chịu trách nhiệm trả cho anh Lê Đức H số tiền nợ gốc 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Không tính lãi suất.

[3] Án phí:

- Chị Phan Thị Thanh N và anh Lê Hoàng V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng).

- Anh Lê Đức H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) và 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) lần lượt theo các biên lại thu tiền số 0002494 ngày 13 tháng 12 năm 2017 và số 0000070 ngày 17/01/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Đồng Xoài;
- CCTHADS thị xã Đồng Xoài;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Hương Giang